**TÊN ĐƠN VỊ:**

**NỘI DUNG BÁO CÁO**

**CÁC HOẠT ĐỘNG KH&CN NỔI BẬT CỦA ĐƠN VỊ TRONG GIAI ĐOẠN 2016 – 2020**

# I. ĐÁNH GIÁ TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH VỀ KH&CN GIAI ĐOẠN 2016-2020

[Hướng dẫn:

\_ Các đơn vị đánh giá tình hình triển khai thực hiện, kết quả đạt được và kiến nghị sửa đổi, bổ sung theo đặc thù của đơn vị mình đối với các nội dung về KH&CN, đổi mới sáng tạo (ĐMST) trong các Luật, Nghị quyết của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Thủ tướng tập trung vào các nội dung sau]

## Cơ chế, chính sách, quy định về SHTT, chuyển giao công nghệ trong nước và với nước ngoài

## Cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp khởi nghiệp, doanh nghiệp ĐMST và phát triển doanh nghiệp KH&CN, các sản phẩm sáng tạo giúp nâng cao năng lực cạnh tranh, chất lượng theo chuỗi giá trị của doanh nghiệp

* 1. Cơ chế, chính sách khuyến khích, huy động nguồn kinh phí ngoài ngân sách đầu tư cho KH&CN và ĐMST, nhất là từ doanh nghiệp
  2. Cơ chế khoán chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN sử dụng NSNN, các vướng mắc khi triển khai thực hiện
  3. Phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực chất lượng cao phục vụ CMCN 4.0

## 

# II. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KH&CN GIAI ĐOẠN 2016-2020

[Hướng dẫn:

\_ Các đơn vị cần phân tích & đánh giá các kết quả KH&CN nổi bật trong giai đoạn 2016-2020 theo đặc thù của mình có kèm hình ảnh/sô liệu minh họa]

## 2.1. Các kết quả KH&CN nổi bật

## 2.1.1. Nhiệm vụ KH&CN các cấp (tập trung vào các sản phẩm KH&CN như quy trình/phần mềm/mô hình/dự báo, tư vấn phản biện xã hội,…mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội)

2.1.2. Công bố khoa học

2.1.3. Sở hữu trí tuệ

2.1.4. Chuyển giao công nghệ

2.1.5. Doanh nghiệp KH&CN

2.1.6. Hệ sinh thái khởi nghiệp và ĐMST

2.1.7. Hợp tác KH&CN (với địa phương/doanh nghiệp/tổ chức KH&CN trong và ngoài nước)

2.1.7. Hội nghị/Hội thảo về KH&CN

2.1.8. Sinh viên NCKH

2.1.9. Giải thưởng KH&CN

2.1.10. Các hoạt động KH&CN khác

**III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG KINH PHÍ KH&CN**

## 3.1. Tình hình sử dụng kinh phí KH&CN

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Nguồn kinh phí** | **Kinh phí năm 2019 *(tr.đồng)*** | | |
| **Được cấp** | **Quyết toán** | **Tỷ lệ**  **quyết toán** |
| **1. Từ NSNN (ĐHQG-HCM)** |  |  |  |
| *Các nhiệm vụ KH&CN (đề tài, nhóm nghiên cứu mạnh,…)* |  |  |  |
| *Nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng* |  |  |  |
| *Dự án tăng cường năng lực & đầu tư chiều sâu* |  |  |  |
| *Chi khác liên quan đến KH&CN* |  |  |  |
| **2. Từ huy động** |  |  |  |
| *Đề tài, dự án cấp quốc gia, Nafosted* |  |  |  |
| *Đề tài, dự án hợp tác quốc tế* |  |  |  |
| *Đề tài, dự án cấp tỉnh/ thành phố* |  |  |  |
| *Đề tài, dự án hợp tác doanh nghiệp* |  |  |  |
| *Huy động khác* |  |  |  |
| **3. Từ nguồn đối ứng từ đơn vị** |  |  |  |
| **Tổng (1+2+3)** |  |  |  |

### 3.2. Tình hình sử dụng kinh phí KH&CN được cấp từ ĐHQG-HCM giai đoạn 2016-2020

**[Hướng dẫn:** Đánh giá tình hình giải ngân, thanh toán, quyết toán, thủ tục hành chính về: chi nhiệm vụ KH&CN, chi nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng, chi dự án tăng cường năng lực và đầu tư chiều sâu, chi khác liên quan đến KH&CN]

### 3.3. Đánh giá tình hình huy động và sử dụng kinh phí từ các nguồn khác

[**Hướng dẫn**: kinh phí đối ứng từ đơn vị, ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và nguồn khác (từ doanh nghiệp và các chương trình hợp tác quốc tế...]

# IV. KẾT LUẬN & KIẾN NGHỊ

**[Hướng dẫn:**

\_ Tóm tắt những kết quả nổi bật.

\_ Những tồn tại, hạn chế và giải pháp .

\_ Các kiến nghị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động KH&CN trong quá trình thực hiện, xây dựng cơ chế chính sách bảo đảm hiệu quả của hoạt động KH&CN trong những năm tiếp theo.]